

BÁC HỒ NÓI VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

■ TIỀN AN

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và Nhân dân Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Bác là bản anh hùng ca về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tận tụy, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của Nhân dân. Tư tưởng, đạo đức và phong cách của Bác là tài sản vô cùng quý báu, có giá trị to lớn cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Để xây dựng và phát triển đất nước, Bác rất chú trọng đến công tác lập pháp, đồng thời cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống. Và góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống thì cần đặc biệt quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Phổ biến, giáo dục pháp luật được hiểu là: truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp cho đối tượng tác động hiểu và hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm, thực hiện hành vi phù hợp với các đòi hỏi của các quy định pháp luật hiện hành. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, có mối liên hệ chặt chẽ với công tác xây dựng, thi hành pháp luật, nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật giúp đối tượng được tác



*Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và huấn thị công tác tuyên truyền cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tháng 12 năm 1961
(Nguồn: Ảnh sưu tầm)*

động có những hiểu biết nhất định về pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho đối tượng. Vì vậy, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật luôn có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền; là một bộ phận của công tác giáo dục; là khâu then chốt, quan trọng để pháp luật của nhà nước thực sự đi vào cuộc sống xã hội, đi vào ý thức, hành động của từng chủ thể trong xã hội.

Bác viết: “*Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại. Muốn thành công, phải biết cách tuyên truyền*” (Bài “*Người tuyên truyền và cách tuyên truyền*” đăng trên Báo Sự thật, số 79, từ ngày 26/6 đến ngày 9/7/1947).

Theo Bác, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của Nhà nước là hoạt động nhằm cung cấp những thông tin chân thực, những tri thức cần thiết và truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp các đối tượng tác động hiểu rõ vấn đề, từ đó hình thành ở họ tri thức pháp luật phù hợp, hướng dẫn cho hành động tự giác chấp hành, thực thi không trái với yêu cầu của quy định pháp luật hiện hành, đồng thời giúp cho ý thức và tư tưởng của cán bộ, nhân dân được thông suốt, ủng hộ và tự nguyện tiếp nhận pháp luật của Nhà nước, “tâm phục, khẩu phục”, quyết tâm, tự giác thực hiện và tuyên truyền, vận động người khác cùng thực hiện. Đồng thời, qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giúp cho cán bộ, Nhân dân có được những vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh tư tưởng để chống lại những âm mưu, thủ đoạn và hành vi thâm độc của các thế lực thù địch.

Đối với người tuyên truyền, Bác dạy rằng: “Người tuyên truyền cần phải chịu khó, chịu khổ, khéo ở, siêng làm. Chớ tưởng rằng: Đi phớt qua địa phương, diễn thuyết một hai giờ đồng hồ mà có kết quả. Đến một địa phương nào, cần phải đi thăm các cụ phụ lão, các người phụ trách, rồi đi thăm các nhà đồng bào để gây cảm tình, và để hiểu biết tình hình địa phương. Đó là một việc cần cho tuyên truyền... Thái độ phải mềm mỏng: đối với các cụ già phải cung kính, với anh em, phải khiêm tốn, với phụ nữ, phải nghiêm trang, với nhi đồng, phải thân yêu, với cả mọi người, phải thành khẩn. Mong anh em đi tuyên truyền làm đúng như thế, thì chắc sẽ thành công to”. Qua đó, chúng ta thấy người tuyên truyền đóng vai trò rất quan trọng, để góp phần thành công cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, người tuyên truyền cần phải chịu khó, chịu khổ, khéo ở và siêng làm; phải hiểu rõ, gần gũi với người dân và nắm bắt tình hình của địa phương; có thái độ nhã nhặn, mềm mỏng đối với mỗi đối tượng khác nhau.

Bên cạnh đó, trong công tác tuyên truyền thì việc nắm vững đối tượng được tuyên

truyền rất quan trọng, vì tùy theo từng đối tượng, trình độ mà chọn phương pháp tuyên truyền. Đối với mỗi đối tượng, Bác yêu cầu phải có phương thức tuyên truyền thích hợp và phải chú trọng ưu tiên cho đối tượng có trình độ nhận thức, trình độ văn hóa thấp vì đồng bào có trình độ thấp đã hiểu thì các đối tượng khác đều nắm bắt được. *Đối với Bác “người tuyên truyền phải biết cách nói. Nói thì phải giản đơn, rõ ràng, thiết thực. Phải có đầu, có đuôi, sao cho ai cũng hiểu được, nhớ được. Chớ dùng những danh từ lạ, ít người hiểu. Chớ nói ra ngoài đề, chớ lặp đi lặp lại. Chớ nói quá một tiếng đồng hồ, vì nói dài thì người ta chán tai, không thích nghe nữa”.* Nếu người tuyên truyền không điều tra, không phân tích, không nghiên cứu, không hiểu biết quần chúng, chỉ gập sao nói vậy, bạ gì viết nấy, nhất định thất bại. Bác cũng lưu ý rằng, *“Dân chúng không nhất luận như nhau, trong dân chúng cũng có nhiều tầng lớp khác nhau, ý kiến khác nhau, có lớp tiên tiến, có lớp lưng chừng, có lớp lạc hậu”.* Đối với mỗi tầng lớp đối tượng, Bác yêu cầu phải có phương thức tuyên truyền thích hợp và phải chú trọng ưu tiên cho lớp đối tượng có trình độ nhận thức, trình độ văn hóa thấp. Vì đối tượng này hiểu được thì các đối tượng khác cũng nắm bắt dễ dàng.

Về công tác chuẩn bị nội dung tuyên truyền. Người tuyên truyền phải chuẩn bị nội dung tuyên truyền thật chu đáo. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm được như vậy sẽ tránh được lối nói ba hoa, rỗng tuếch, câu thả, lặp lại, nhàm chán. Bác từng cảnh báo: *“Nhiều người trước khi nói không sắp sửa kỹ càng. Lúc ra nói hoặc lặp lại những cái người trước đã nói. Hoặc lặp đi lặp lại những cái mình đã nói rồi. Lúng túng như gà mắc tóc. Thôi đi thì trên, nói nữa thì chán tai”.* Bác căn dặn: *“Khi viết xong một bài báo, một bản báo cáo hoặc thảo một bài diễn văn nhất định phải đọc lại vài lần. Mình tự phê bình bài viết của mình, hỏi ý kiến đồng chí khác. Những câu những chữ thừa vô ích bỏ đi. Rửa mặt phải kỳ sát ba lần mới sạch, viết văn diễn thuyết cũng phải như vậy”.* Để nội

dung bài nói, bài viết có chất lượng, Bác yêu cầu người tuyên truyền phải chịu khó “nghe”, “thấy”, “xem” và “ghi chép”. Khi chuẩn bị nội dung phải suy nghĩ cho “chính”, sắp đặt cho cẩn thận. Bác yêu cầu cụ thể: *“Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng; phải luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ đơn giản, thiết thực và dễ hiểu; phải tự hỏi nói cho ai nghe, viết cho ai xem; chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết; trước khi nói phải sắp đặt cho cẩn thận, phải suy nghĩ cho chín chắn. Sau khi viết rồi phải xem đi xem lại ba bốn lần. Nếu là một tài liệu quan trọng phải xem đi xem lại chín mười lần”*. Và *“không nên lúc nào cũng trích Các-Mác, cũng trích Lênin, làm cho đông bào khó hiểu. Nói thế nào cho đông bào hiểu được, đông bào làm được... Nói thiết thực, nói đúng lúc, đúng chỗ”*. Nếu *“nói hay mà không hiểu”* thì cũng không bằng *“nói dễ hiểu, thiết thực, người ta dễ hiểu và làm được”*. Qua đó, Bác rút ra kết luận: *“Tuyên truyền không cần phải nói tràng giang đại hải. Mà nói ngắn gọn, nói những vấn đề thiết thực, chắc chắn làm được, để cho mọi người hiểu rõ và quyết tâm làm bằng được”*.

Như vậy, Bác đã chỉ cho đội ngũ cán bộ tuyên truyền cần phải xác định rõ ràng nội dung, đối tượng, mục đích và phương pháp: *“Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào?”*. Đồng thời Người dạy chúng ta phải biết kết hợp giữa công tác tuyên truyền với công tác dân vận, hay đó chính là phong cách *“nói đi đôi với làm”*. Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, bên cạnh việc xác định nội dung, đối tượng, mục đích và phương pháp, Bác còn quan niệm tuyên truyền là một hoạt động thống nhất trên ba mặt: là nhận thức về mục đích và vai trò của tuyên truyền, là phương pháp tuyên truyền, là yêu cầu đối với người làm công tác tuyên truyền. Cả ba mặt luôn luôn thống nhất với nhau, tác động qua lại lẫn nhau, trong đó nhận thức mục đích đóng vai trò chủ đạo, chi phối trực tiếp đến mọi phương pháp tuyên

truyền. Quá trình từ nhận thức đến phương pháp tuyên truyền đều thông qua con người cụ thể, do đó, người tuyên truyền là yếu tố có ý nghĩa quyết định, bởi *“cán bộ là cái gốc của mọi công việc”*; *“công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”*.

Ngày nay, học tập và thấm nhuần tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong nhiều văn kiện, Đảng ta đều khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp tăng cường công tác này. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã xác định *“Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”*. Đồng thời, đề ra yêu cầu *“tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật”* và nhấn mạnh mục tiêu, nhiệm vụ *“nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân”*, *“... chăm lo, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân...”*. Các yêu cầu trên cùng với các quan điểm, chủ trương, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật của Đảng đã được đề ra tại Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012. Qua đó, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân ngày càng vững mạnh, phát triển./.

T.A

BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT - CẦU NỐI GIỮA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

■ PHAN BÁ MỸ

Trưởng phòng PBGDPL, Sở Tư pháp

Tại Thừa Thiên Huế, đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) sinh sống tập trung chủ yếu tại hai huyện miền núi (Nam Đông, A Lưới) và một số huyện, thị xã (Phú Lộc, Phong Điền, Hương Trà); gồm 24 xã thuộc vùng DTTS&MN (trong đó có 14 xã khu vực III và 71 thôn đặc biệt khó khăn, với nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống). Với nhiều yếu tố khách quan, chủ quan, khả năng tiếp nhận thông tin và nhận thức một số vấn đề pháp luật của đồng bào DTTS&MN có nơi còn hạn chế và chưa nắm được các quy định pháp luật liên quan tới quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Bên cạnh đó, các hủ tục, tập quán lạc hậu chưa được hoàn toàn xóa bỏ..., nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa đã kéo theo một số tệ nạn xã hội, hành vi vi phạm pháp luật. Với quan điểm đồng bào DTTS&MN là một bộ phận không thể tách rời của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, trong thời gian qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xác định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS&MN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, có ý nghĩa hết sức quan trọng

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế có 67 báo cáo viên pháp luật và 375 tuyên truyền viên pháp luật đang sinh sống và thực hiện nhiệm vụ (PBGDPL) tại vùng đồng bào DTTS&MN (sau đây gọi tắt là đội ngũ BCVPL&TTVPL). Thời gian qua, cùng với chính quyền địa phương, đội ngũ này đã có những đóng góp quan trọng trong công tác truyền tải, đưa pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, đóng góp thiết thực vào việc nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và đồng bào DTTS&MN. Hầu hết các BCVPL&TTVPL là những cán bộ có am hiểu về pháp luật hoặc người có uy tín trong cộng đồng dân cư, già làng, trưởng bản, chức sắc trong các tôn giáo



Tuyên truyền viên xã Hương Nguyên thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho bà con tại 03 thôn: Giồng, Chi Đu Nghĩa và A Rý

vùng DTTS&MN, tham gia tích cực vào công tác PBGDPL tại địa phương và có trình độ nhất định trong lĩnh vực pháp luật¹.

Đội ngũ BCVPL&TTVPL có lợi thế là những người am hiểu về các phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt và đặc biệt là có cùng ngôn ngữ, cùng địa bàn sinh sống, qua đó họ dễ dàng tiếp cận, tuyên truyền và vận động đồng bào trong việc tham gia tìm hiểu về các chính sách, pháp luật. Trong những năm qua, đội ngũ BCVPL&TTVPL này đã phát huy được vai trò nòng cốt, luôn nắm bắt tâm tư của đồng bào dân tộc thiểu số, là cầu nối đưa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào các dân tộc thiểu số một cách gần gũi, dễ hiểu nhất. Người có uy tín, già làng có sự tiếp cận, chia sẻ với bà con bằng những cách thức, phương pháp tuyên truyền gần gũi, khéo léo, khuyến khích người dân chấp hành pháp luật, tích cực làm ăn, phát

¹BCVPL có trình độ đại học là 61/67 người (chiếm 91%) và TTVPL có trình độ đại học là 296/375 người (chiếm gần 79%)

triển kinh tế. Định kỳ, người có uy tín vận động người dân tham gia các buổi sinh hoạt, học tập, sinh hoạt pháp luật cộng đồng; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các nội dung quy định pháp luật về việc tìm hiểu kiến thức pháp luật, đặc biệt là quy định pháp luật về phòng, chống các hủ tục như: tảo hôn, hôn nhân cùng huyết thống và các loại tệ nạn xã hội như: ma túy, mại dâm, buôn lậu... Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ BCVPL&TTVPL, công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS&MN ngày càng thực chất, đã kịp thời tuyên truyền, đưa tin về đường lối, chủ trương của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật đến với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số; giúp cán bộ và người dân hiểu, nhận thức đúng đắn, đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình, từ đó thực hiện pháp luật một cách tự giác, hạn chế dần tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết về pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo phát huy hiệu lực, hiệu quả của pháp luật, đồng thời, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào vào Đảng và chính quyền.

Nhìn chung, công tác PBGDPL của đội ngũ BCVPL&TTVPL tại địa phương đã thu hút được sự hưởng ứng tích cực của đồng bào DTTS&MN, từ đó nâng cao ý thức về pháp luật cho người dân, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự ở địa phương, phát triển kinh tế, ổn định đời sống; phát huy tinh thần thực hiện dân chủ ở cơ sở, đảm bảo dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; góp phần hạn chế hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trên thực tế hoạt động PBGDPL của đội ngũ BCVPL&TTVPL cho đồng bào dân tộc thiểu số những năm qua đang còn gặp khó khăn, vướng mắc và bộc lộ một số hạn chế, như:

- Chưa huy động được nguồn xã hội hóa để hỗ trợ, duy trì và phát huy hoạt động của đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN cũng như nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án liên quan đến PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số còn khiêm tốn.

- Một số định mức chi bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở còn thấp, nội dung chi chưa bao

quát các hoạt động đặc thù để nâng cao hiệu quả PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mặc dù đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN có trình độ và được quan tâm bồi dưỡng nhưng số lượng người thực sự tích cực tham gia vào công tác PBGDPL chưa nhiều². Bên cạnh đó, chưa có sự định hướng cụ thể về nội dung và hình thức PBGDPL phù hợp, dẫn đến việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật của đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN đôi lúc chưa sát với nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số;

- Đời sống kinh tế của đồng bào DTTS&MN nói chung và của đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN nói riêng còn nhiều khó khăn, do đó việc tiếp cận và sử dụng các hình thức PBGDPL thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, Internet còn hạn chế.

Để góp phần tháo gỡ những khó khăn, phát huy hiệu quả, chất lượng của đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN trong công tác PBGDPL, cần tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác PBGDPL dành riêng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đặc biệt là các chính sách ưu tiên, hỗ trợ đối với đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN để khuyến khích, củng cố, và huy động lực lượng này tham gia tích cực vào công tác PBGDPL.

- Phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ BCVPL&TTVPL là người đồng bào DTTS&MN có trọng tâm, trọng điểm. Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ này về kiến thức pháp luật, cập nhật các văn bản pháp luật về chế độ, chính sách của đồng bào dân tộc thiểu số và kỹ năng PBGDPL đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số (kỹ năng nắm bắt tâm lý, giao tiếp, tiếp cận...), đạo đức nghề nghiệp (sự cảm thông, chia sẻ, tận tâm...).

- Có phương án đẩy mạnh xã hội hóa, huy

²Theo số liệu thống kê từ năm 2020 đến tháng 4/2023 của UBND các huyện (A Lưới, Nam Đông, Hương Trà), chỉ có từ 30 - 40% BCVPL&TTVPL tham gia thực hiện công tác PBGDPL tại vùng đồng bào DTTS&MN

(xem tiếp trang 14)

NHÌN LẠI 01 NĂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN THAM GIA CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT TẠI CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2021 - 2027” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

■ QUỐC TRỌNG



Các chiến sĩ Bộ đội Biên phòng thực hiện công tác tuyên truyền, cấp phát tờ gấp pháp luật cho ngư dân và các chủ phương tiện hành nghề đánh bắt xa bờ

Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) là khâu đầu tiên của hoạt động thực thi pháp luật, giúp cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân xác định đúng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của pháp luật để chấp hành đúng. Với vai trò là lực lượng “Đội quân chiến đấu” - “Đội quân công tác” - “Đội quân lao động sản xuất”, trong thời gian qua, các đơn vị Quân đội, đặc biệt là lực lượng đóng quân và làm nhiệm vụ trực tiếp trên các địa bàn trọng yếu, vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, miền núi đã luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân, được Nhân dân tin yêu, đồng thời được trang bị cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện các nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ được đào tạo chính quy, có phẩm chất đạo đức, năng lực

công tác cùng với bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội và phẩm chất của “Bộ đội Cụ Hồ”; đây là điều kiện thuận lợi, tiên quyết để Quân đội tham gia PBGDPL, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở.

Với ý nghĩa như trên, ngày 30 tháng 7 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1371/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Phát huy vai trò của lực lượng Quân đội nhân dân tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2021 - 2027” (sau đây gọi tắt là Đề án). Theo đó, Đề án đặt mục tiêu nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật cho cán bộ, nhân dân, phần đầu 80% cán bộ, nhân dân nói chung, trong đó 60% cán bộ, nhân dân địa bàn

trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phổ biến, giáo dục pháp luật, có hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật.

Nhằm nâng cao chất lượng công tác PBGDPL, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở, thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, Ban Chỉ đạo Đề án ở các cấp, nhất là các địa phương vùng biên giới, hải đảo đã tiến hành rà soát, nắm chắc tình hình đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật các cấp, cũng như đội ngũ cộng tác viên, hòa giải viên pháp luật và người có uy tín ở cơ sở cả về số lượng, chất lượng. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và cử cán bộ tham gia các đợt tập huấn do Bộ, ngành Trung ương tổ chức nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cơ bản về pháp luật cho đội ngũ này.

Sau hơn một năm tổ chức triển khai Đề án, lực lượng Bộ đội, Biên phòng, Hải quân, Cảnh sát biển và các đơn vị đóng quân ở vùng biên giới, hải đảo đã thường xuyên tổ chức tuyên truyền, PBGDPL, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở. Củng cố, phát triển và duy trì hoạt động của trên 2.000 Câu lạc bộ pháp luật và Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý; 1.084 Trung tâm tư vấn pháp luật; trên 1.100 Tổ tuyên truyền pháp luật, 9.828 Tổ hòa giải. Phát huy vai trò các Câu lạc bộ pháp luật, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, Trung tâm tư vấn pháp luật, Tổ tuyên truyền pháp luật, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật các cấp đã tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất với chính quyền địa phương triển khai tuyên truyền, PBGDPL mỗi tuần từ 01 đến 02 buổi. Tổ chức hàng nghìn đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại cơ sở, gần 145.000 buổi tuyên truyền, PBGDPL thu hút trên 6,8 triệu lượt người nghe về chủ trương, đường lối của Đảng, Luật Biên giới quốc gia, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật biển Việt Nam... và các văn bản pháp luật mới ban hành, về quốc phòng, an ninh và các vấn đề có liên quan đến đời sống, xã hội, quyền lợi, nghĩa vụ của công dân; âm mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước của thế lực thù địch, phản động.

Phối hợp với cơ quan báo chí, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền trên các chuyên trang, chuyên mục, Cổng thông tin điện tử của địa phương, đơn vị; trên các báo in, báo điện tử, tạp chí, bản tin, Website, trang fanpage và mạng xã hội; nghiên cứu, biên soạn hàng nghìn liệu tuyên truyền các Bộ Luật, Luật, văn bản dưới luật (bằng tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số); biên soạn, in và cấp tờ rơi, tờ gấp và đĩa DVD tuyên truyền pháp luật với nội dung dễ nhớ, dễ hiểu, phù hợp với trình độ, nhận thức của các đối tượng. Bộ đội Biên phòng một số tỉnh, thành phố đã phối hợp chặt chẽ với ngành Tư pháp ở địa phương, thường xuyên củng cố, luân chuyển, hỗ trợ, bổ sung sách vào tủ sách pháp luật tại các phòng đọc, thư viện được bố trí tại các xã, phường, thị trấn biên giới. Phối hợp với ngành văn hóa xây dựng hệ thống panô, áp phích, khẩu hiệu và xây dựng các tiêu phẩm văn nghệ để tuyên truyền trực quan. Phối hợp với ngành thông tin và truyền thông biên soạn nội dung tuyên truyền pháp luật trên màn hình LED tại các cửa khẩu; tuyên truyền trên chuyên mục “*Vì chủ quyền, an ninh biên giới*” và các chuyên mục của cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương.

Hưởng ứng “*Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” (ngày 09/11) và Mô hình “*Ngày Pháp luật hàng tháng trong Quân đội*”, các đơn vị quân đội đã phối hợp với địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, PBGDPL, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở đa dạng, phong phú. Xây dựng mô hình, cách làm hay, hiệu quả. Hệ thống tủ sách, ngăn sách pháp luật ở các đơn vị cơ sở thường xuyên được củng cố, bổ sung, với nhiều tài liệu và sách pháp luật, phù hợp với từng đối tượng.

Trên cơ sở các phong trào thi đua, cuộc vận động, các chương trình do Đảng, nhà nước, Ủy ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quân đội và địa phương phát động; Ban Chỉ đạo Đề án các địa phương, các đơn vị Quân đội đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương nhân rộng, duy trì nền nếp,

có chiều sâu nhiều mô hình, phong trào và sáng kiến có hiệu quả đã và đang triển khai thực hiện ở cơ sở; đồng thời tiếp tục nghiên cứu, sáng tạo những biện pháp, cách làm mới, khoa học, hiệu quả trong thực hiện các phong trào, chương trình, mô hình như: Phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”; “Toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản”, ...; các mô hình: “Hợp sức toàn dân tấn công tội phạm”; “Thôn, xóm, bản, làng bình yên không có tội phạm ma túy”;... được duy trì thường xuyên, mang lại hiệu quả thiết thực.

Tại Thừa Thiên Huế, Hội đồng PBGDPL - Bộ Chỉ huy Quân sự (CHQS) tỉnh đã phối hợp với các đơn vị để tổ chức tốt việc PBGDPL cho các đối tượng theo kế hoạch, quân số tham gia trên 98% (chiến sỹ mới là 100%). Chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể địa phương, tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn. Ngoài các nội dung theo chương trình giáo dục của Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng, Hạ sỹ quan - Chiến sỹ, các cơ quan, đơn vị, nhà trường đã tổ chức học tập các điều Luật, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng các cấp; tuyên truyền phổ biến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tháng, quý.

Phát huy tốt hiệu quả hệ thống truyền thanh nội bộ, ở cấp tiểu đoàn duy trì 1 buổi/1 tuần tuyên truyền lồng ghép các nội dung về pháp luật. Các đơn vị cơ sở thực hiện tốt các nội dung ký kết phối hợp tuyên truyền nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2022; chỉ đạo Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố, các đồn Biên phòng phối hợp với các cơ quan, ban ngành cấp huyện tuyên truyền các nội dung Pháp luật, kết hợp có hiệu quả tuyên truyền về các hoạt động của lực lượng vũ trang tỉnh với 4 trang Quốc phòng toàn dân trên đài Quốc phòng Việt Nam (QPVN); tham gia tuyên truyền với 12 chuyên mục Quốc phòng toàn dân và 48 chuyên đề phát thanh trên đài phát thanh và truyền hình tỉnh (TRT); 12 trang trên báo Thừa Thiên Huế. Ngoài ra

có hơn 190 phóng sự, tin, bài phát trên đài truyền hình QPVN, đài phát thanh và truyền hình tỉnh (TRT); có gần 98 bài báo trên Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy, UBND tỉnh, báo Quân khu 4, báo Pháp luật. Đặc biệt Trang thông tin điện tử tổng hợp Bộ CHQS tỉnh tiếp tục hoạt động có nề nếp, hiệu quả, kịp thời thông tin mọi mặt đến mọi cán bộ, chiến sỹ đã góp phần nâng cao nhận thức Pháp luật cho cán bộ, chiến sỹ và Nhân dân. Bên cạnh việc làm tốt công tác PBGDPL, các cơ quan, đơn vị, nhà trường đã chú trọng tăng cường trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong quản lý, rèn luyện kỷ luật; duy trì nghiêm túc nề nếp, chế độ, điều lệnh quân đội; phát huy tốt vai trò của các tổ chức Đoàn thanh niên, phụ nữ, gần PBGDPL, quản lý rèn luyện kỷ luật với các phong trào thi đua và thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4, 5, 6 (khóa XIII); Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”.

Nhìn chung, sau hơn 01 năm triển khai thực hiện, với tinh thần chủ động và trách nhiệm, các đơn vị quân đội đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, phối hợp chặt chẽ với địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực, nhân lực, hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đã đề ra. Qua đó, từng bước xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật cho cán bộ, chiến sỹ và Nhân dân, nhất là địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các vụ việc vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, có xu hướng giảm ở nhiều địa phương; ý thức chấp hành các quy chế, quy định về bảo vệ biên giới, trách nhiệm tố giác tội phạm của Nhân dân được nâng lên đã góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự, kiểm chế tội phạm; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới ở địa phương./.

Q.T

SỞ TƯ PHÁP THỪA THIÊN HUỆ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỰC HIỆN CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

■ HỒNG NGỰ

Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm các chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản.

Phiếu Lý lịch tư pháp được coi là giấy tờ pháp lý quan trọng chứng minh cá nhân có hay không có án tích, bị cấm hay không cấm đảm nhiệm chức vụ khi tham gia vào các quan hệ pháp lý. Theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp, hiện nay, có hơn 80 thủ tục hành chính có yêu cầu cấp phiếu Lý lịch tư pháp như thủ tục về nuôi con nuôi, quốc tịch, hộ tịch, luật sư, thành lập, quản lý doanh nghiệp, quản lý nhân sự, quản lý cư trú, tổ chức phi chính phủ, đăng ký hành nghề y dược, đăng ký kinh doanh có điều kiện và hồ sơ xin việc,...

Nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp, hàng năm Sở Tư pháp triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và phối hợp với các cơ quan đơn vị như Công an, Tòa án, Việt kiểm sát, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh có nhiều giải pháp đồng bộ để thực hiện có hiệu quả việc thực hiện Luật Lý lịch tư pháp nói chung và cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, thực tiễn trong triển khai cấp phiếu Lý lịch tư pháp vẫn còn nhiều vấn đề khó khăn cần có giải pháp giải quyết, cụ thể:

- Số lượng hồ sơ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp năm sau cao hơn năm trước. Theo thống kê chỉ trong năm 2022, Sở Tư pháp đã tiếp nhận và giải quyết 11.687 phiếu Lý lịch tư pháp, tăng 167% so với cùng kỳ năm 2021.

- Hệ thống Dịch vụ công của tỉnh và Hệ

thống quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp chưa được kết nối liên thông nên ảnh hưởng rất lớn đến thời gian thao tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ của công chức tiếp nhận và giải quyết cấp phiếu Lý lịch tư pháp.

- Biên chế thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chỉ có 01 người, trong khi trung bình 01 ngày làm việc có khoảng hơn 50 hồ sơ yêu cầu cấp phiếu Lý lịch tư pháp đặc biệt có những dịp cao điểm (ví dụ: các công ty lớn như Grab, Vingroup tuyển dụng nhân sự, các cơ quan nhà nước tổ chức tuyển dụng,...) thì số lượng hồ sơ tăng đột biến hơn 100 hồ sơ/ngày vì vậy gây ra tình trạng quá tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

- Công tác tuyên truyền đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến mặc dù có triển khai nhưng vẫn chưa tiếp cận được đông đảo người dân vì vậy đa số người dân vẫn thực hiện đăng ký trực tiếp, điều này mất nhiều thời gian công sức của người dân cũng như công chức thực hiện tiếp nhận hồ sơ.

Để giải quyết những khó khăn, bất cập trong công tác cấp phiếu Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp đã mạnh dạn đẩy mạnh triển khai công tác cải cách hành chính mục tiêu chính là nâng cao chất lượng và hiệu quả cấp phiếu Lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến với những những giải pháp thiết thực, cụ thể:

1. Về triển khai giải pháp liên thông Hệ thống Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp

Ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban Quyết định số 06/QĐ-TTg về việc phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm

2030. Trong đó, cấp phiếu Lý lịch tư pháp là một trong 25 dịch vụ công thiết yếu cần thực hiện trên môi trường điện tử. Để triển khai việc cấp phiếu Lý lịch tư pháp thống nhất, hiệu quả, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu Đề án 06 của Chính phủ, Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp thực hiện việc kết nối liên thông dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Hệ thống quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp.



Điểm hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến về lĩnh vực Tư pháp

Đến nay, hồ sơ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp được tiếp nhận trên Hệ thống Dịch vụ công tỉnh đã thực hiện chuyển vào Hệ thống quản lý Lý lịch Tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp, điều này hỗ trợ rất hiệu quả cho công chức giải quyết hồ sơ Lý lịch tư pháp không phải nhập lại dữ liệu, tiết kiệm thời gian xử lý qua đó rút ngắn được thời gian giải quyết trả kết quả cho công dân, tổ chức.

2. Đẩy mạnh triển khai giải pháp thực hiện đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến

Theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh tiếp nhận trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến, đồng thời giảm tải khối lượng công việc cho công chức làm công tác tiếp nhận, trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Sở Tư pháp đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao số lượng hồ sơ cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến, cụ thể:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 phê duyệt quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (mức độ 4).

- Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chuẩn hóa và hoàn thiện biểu mẫu điện tử tại Công văn số 2822/UBND-KN2 ngày 30/3/2023, Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát chuẩn hóa biểu mẫu điện tử thủ tục cấp phiếu Lý lịch tư pháp, góp phần hỗ trợ người dân dễ dàng thuận tiện hơn khi điền các thông tin, dữ liệu đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 979/KH-STP ngày 12/5/2023 về Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2023. Theo đó, đề ra giải pháp cụ thể triển khai cho toàn thể công chức, viên chức Sở Tư pháp trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến của Sở đặc biệt là thủ tục cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến.

- Đăng ký Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện triển khai mô hình điểm hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cụ thể:

+ Sở Tư pháp bố trí công chức, viên chức hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công

trực tuyến, nhất là các dịch vụ công trực tuyến của ngành Tư pháp tại trụ sở cơ quan Sở Tư pháp.

+ Triển khai tập huấn cho 100% công chức, viên chức cách thức đăng nhập, quy trình nghiệp vụ để nắm vững, hướng dẫn được người dân thực hiện, không làm hộ người dân.

3. Đẩy mạnh giải pháp truyền truyền cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến

Nhằm mục đích quán triệt tinh thần và những nội dung cơ bản về đăng ký giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; những hiệu ích khi đăng ký giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Nâng cao hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc đăng ký dịch vụ công trực tuyến và khai thác kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đặc biệt trong triển khai cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến. Ngày 09/3/2023, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 464/KH-STP về Tuyên truyền đăng ký giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến của Sở Tư pháp, theo đó đề ra giải pháp tuyên truyền, cụ thể:

- Xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn nộp hồ sơ thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến (trọng tâm là nộp hồ lý lịch tư pháp trực tuyến) đảm bảo đơn giản, trực quan, sinh động trong các tài liệu do Sở Tư pháp phát hành để cấp phát cho cán bộ, công chức tư pháp cấp huyện, cấp xã, các tổ chức hỗ trợ tư pháp và người dân tại cơ sở.

- Thực hiện lồng ghép tuyên truyền hướng dẫn nộp hồ sơ thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến tại các Hội nghị triển khai các văn bản pháp luật.

- Xây dựng kênh thông tin Đăng ký nộp lý lịch tư pháp trực tuyến trên trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn cho toàn thể công chức, viên chức Sở Tư pháp quy trình đăng ký hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến nhằm đảm bảo yêu cầu 100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở chỉ thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong giao dịch thủ tục hành chính và tuyên truyền người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp...

Với những giải pháp đồng bộ đẩy mạnh cải cách hành chính trong cấp phiếu Lý lịch tư pháp, chỉ trong thời gian ngắn đã có hiệu quả rõ rệt:

- Việc hoàn thành liên thông Cổng dịch vụ công tỉnh và Hệ thống quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung đã giúp cho công chức giải quyết hồ sơ rút ngắn được thời gian xử lý cấp phiếu Lý lịch tư pháp.

- Theo thống kê đến ngày 14/5/2023, đã có tổng cộng 3778 hồ sơ đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến so với con số gần 900 hồ sơ trực tuyến của năm 2022 thì đây là kết quả rất đáng khích lệ.

- Điểm hỗ trợ người dân đăng ký cấp phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến tại Sở Tư pháp đã góp phần tuyên truyền cho người dân cách thức nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh đồng thời giảm tải đáng kể khối lượng hồ sơ phải tiếp nhận của công chức làm tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

Với những hiệu quả rõ rệt của các giải pháp mà Sở Tư pháp đã triển khai, thời gian tới phấn đấu đạt được mục tiêu 100% hồ sơ cấp phiếu Lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến, đồng thời góp phần thực hiện thành công Đề án 06 của Thủ tướng chính phủ, cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới./.

H.N

CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO THỎA THUẬN VÀ TRAO ĐỔI VỀ ĐIỀU KIỆN CHỦ THỂ LẬP VĂN BẢN THỎA THUẬN ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG

■ NGUYỄN THỊ ĐÀO

Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được ghi nhận lần đầu tiên tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015). Để áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận, các bên phải lập Văn bản thỏa thuận áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng. Văn bản này phải bảo đảm những điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật, trong đó có yếu tố chủ thể.

1. Chế độ tài sản của vợ chồng và chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận

Chế độ tài sản của vợ chồng được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, Luật Hôn và gia đình năm 2014 chưa giải thích thế nào là “chế độ tài sản vợ chồng”. Qua các quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình về nội dung này, có thể hiểu, chế độ tài sản vợ chồng là những quy định pháp luật về tài sản của vợ chồng, gồm căn cứ xác lập tài sản, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung, tài sản riêng, chia tài sản giữa vợ và chồng.

Một trong những nội dung đặc biệt và được ghi nhận lần đầu tiên tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là cho phép vợ chồng lựa chọn chế độ tài sản vợ chồng với hai loại, đó là: chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thỏa thuận.

Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định là căn cứ xác lập tài sản, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định được áp dụng trong trường hợp vợ chồng không lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận hoặc có thỏa thuận về chế độ tài sản nhưng thỏa thuận này bị Tòa án tuyên bố vô hiệu theo quy định tại Điều 50 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp vợ chồng áp dụng chế độ tài



Nguồn: Ảnh sưu tầm

sản theo thỏa thuận thì việc xác lập tài sản, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản được thực hiện theo thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng, trong trường hợp hai bên kết hôn lựa chọn chế độ tài sản theo thỏa thuận thì thỏa thuận này phải được lập trước khi kết hôn, bằng hình thức văn bản có công chứng hoặc chứng thực. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận được xác lập kể từ ngày đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng có thể thỏa thuận về xác định tài sản theo một trong các nội dung sau đây: (i) Tài sản giữa vợ và chồng bao gồm tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng; (ii) Giữa vợ và chồng không có tài sản riêng của vợ, chồng mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn hoặc trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc tài sản chung; (iii) Giữa vợ và chồng không có tài sản chung mà tất cả tài sản do vợ, chồng có được trước khi kết hôn và trong thời kỳ hôn nhân đều thuộc sở hữu riêng của người có được tài sản đó; (iv) Xác định theo thỏa thuận khác của vợ chồng.

Dù vợ chồng lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hay chế độ tài sản theo thỏa thuận thì vẫn phải bảo đảm các nguyên tắc và yêu cầu chung về tài sản của vợ chồng. Về nguyên tắc, vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập; vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng mà xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, chồng, gia đình và của người khác thì phải bồi thường. Ngoài nguyên tắc chung, vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên. Đối với việc xác lập, thực hiện, chấm dứt các giao dịch liên quan đến nhà là nơi ở duy nhất của vợ chồng phải có sự thỏa thuận của vợ chồng. Trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu riêng của vợ hoặc chồng thì chủ sở hữu có quyền xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản đó nhưng phải bảo đảm chỗ ở cho vợ chồng. Trong giao dịch với người thứ ba ngay tình thì vợ, chồng là người đứng tên tài khoản ngân hàng, tài khoản chứng khoán được coi là người có quyền xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản đó; vợ, chồng đang chiếm hữu động sản mà theo quy định của pháp luật không phải đăng ký quyền sở hữu được coi là người có quyền xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản đó trong trường hợp Bộ luật dân sự có quy định về việc bảo vệ người thứ ba ngay tình.

2. Điều kiện chủ thể xác lập Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng

Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng phải bảo đảm quy định tại Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong đó, chủ thể xác lập văn bản thỏa thuận này là hai người có dự tính kết hôn. Mặc dù Luật Hôn nhân và gia đình không quy định điều kiện đối với người xác lập văn bản thỏa thuận chế độ tài sản của vợ chồng nhưng xét mục đích của văn bản thỏa thuận là hướng đến xác lập chế độ tài

sản của vợ chồng sau khi kết hôn, do đó, người dự định kết hôn về cơ bản phải đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đó là: (1) hai bên tham gia giao kết phải là nam và nữ; (2) các bên tự nguyện quyết định; (3) không bị mất năng lực hành vi dân sự; (4) không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn (kết hôn giả tạo; tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn; người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ; kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng).

Một số vấn đề cần làm rõ thêm khi xác định điều kiện chủ thể xác lập Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng như sau:

Vấn đề thứ nhất: Theo quy định, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không cho phép người bị mất năng lực hành vi dân sự kết hôn nhưng không hạn chế quyền này đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Vậy trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì có được xác lập văn bản thỏa thuận chế độ tài sản của vợ chồng không? Vấn đề này tác giả phân tích quan điểm như sau:

Theo quy định tại Điều 23 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được Tòa án chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ. Khoản 2 Điều 136 về đại diện theo pháp luật của cá nhân thì người giám hộ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người đại diện theo pháp luật nếu được Tòa án chỉ định. Như vậy, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự theo Quyết định của Tòa án, nghĩa là: tự mình trực tiếp thực hiện hoặc thông qua người đại diện theo pháp luật - là người giám hộ, nếu Quyết định của

Tòa án có quy định về quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện. Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người này phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác.

Theo quy định trên, trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập văn bản thỏa thuận chế độ tài sản vợ chồng thì phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý (đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự) hoặc có thể thông qua người đại diện theo pháp luật là người giám hộ - nếu Quyết định của Tòa án có đề cập (đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi).

Vấn đề thứ hai: Như đã nêu, về cơ bản, chủ thể xác lập văn bản thỏa thuận phải bảo đảm các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận được xác lập trước thời điểm kết hôn, nghĩa là chủ thể có thể rơi vào trường hợp chưa đủ tuổi kết hôn, nếu là người nữ thì có thể là chưa có năng lực

hành vi dân sự đầy đủ (do chưa đủ 18 tuổi). Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015, người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi thì tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý. Thỏa thuận xác lập chế độ tài sản vợ chồng có liên quan đến các tài sản lớn của vợ chồng, do đó không thể thiếu bất động sản, động sản phải đăng ký quyền sở hữu. Như vậy, nếu người chưa đủ 18 tuổi xác lập văn bản thỏa thuận chế độ tài sản vợ chồng thì phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.

Với những nội dung nêu trên, trường hợp chủ thể khi xác lập Văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng mà bản thân mình không hoàn toàn tự quyết định (phải thông qua người đại diện hoặc được người đại diện đồng ý như phân tích ở trên) thì có vẻ như không hoàn toàn bảo đảm được quyền tự thỏa thuận - là quyền gắn liền với quan hệ hôn nhân chỉ của hai người là vợ chồng. Do đó, pháp luật cần quy định rõ ràng, cụ thể về điều kiện của người được xác lập Văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng nhằm áp dụng pháp luật thống nhất./.

N.T.D

BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN... (tiếp theo trang 5)

động nguồn lực cho hoạt động PBGDPL đối với đồng bào đồng bào DTTS&MN thông qua việc triển khai các Chương trình, Nghị quyết, Kế hoạch hỗ trợ³. Tiếp tục hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách về kinh tế nhằm đẩy nhanh công tác xóa đói, giảm nghèo; tăng cường thực hiện

chính sách về y tế, giáo dục, nghề nghiệp; hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và trợ giúp pháp lý, góp phần củng cố đời sống kinh tế, thể hiện sự tham gia đóng góp của các cấp, ngành, các tổ chức, cá nhân cho hoạt động đầy tính nhân văn này.

Có thể nói, đội ngũ BCVPL&TTVPL thực hiện công tác tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã và đang tham gia vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật một cách tích cực và có hiệu quả; trong thời gian tới, mong rằng đội ngũ đội ngũ BCVPL&TTVPL này sẽ tiếp tục được quan tâm, tăng cường bồi dưỡng, hỗ trợ hơn nữa, để phát có hiệu quả vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi./.

P.B.M

³Nghị quyết quy định định mức ngân sách địa phương hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Kế hoạch triển khai nội dung về “Thúc đẩy khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh giai đoạn năm 2023 - 2025”

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH: KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

■ TRƯƠNG ANH HUẤN

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Lãnh đạo tỉnh, Sở Tư pháp Thừa Thiên Huế luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, từng bước củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng và năng lực hoạt động của đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, đáp ứng được công việc được giao với khối lượng lớn và có tính chuyên sâu, trực tiếp giải quyết công việc liên quan đến người dân ở cơ sở. Qua đó, đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã ngày càng khẳng định được vai trò tham mưu, giúp cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác tư pháp góp phần bảo đảm ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng của đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, giúp chính quyền cấp xã trong việc triển khai các nhiệm vụ tư pháp trên địa bàn theo tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX: “Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, không ức hiếp dân, trẻ hóa đội ngũ, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết hợp lý và đồng bộ chính sách đối với cán bộ cơ sở”, ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành



Công chức Tư pháp - Hộ tịch tại UBND xã Giang Hải thực hiện tiếp nhận hồ sơ của người dân

Quyết định số 3392/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án).

Thực hiện Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án, thời gian qua, Sở Tư pháp đã phối hợp với các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông tiến hành kiểm tra tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Phú Vang và thành phố Huế. Qua quá trình kiểm tra, đã ghi nhận những kết quả đạt được, đồng thời nắm bắt những khó khăn, tồn tại để có cơ sở đề xuất các biện pháp tháo gỡ vướng mắc.

VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thứ nhất, về sắp xếp bố trí đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch: Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có tổng số 262 công chức Tư pháp - Hộ tịch (thành phố Huế: 71 công chức, thị xã Hương Thủy:



Sở Tư pháp phối hợp với các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông tiến hành kiểm tra việc triển khai Quyết định số 3392/QĐ-UBND tại UBND huyện Phú Vang

16 công chức, thị xã Hương Trà: 17 công chức, huyện Phú Vang: 28 công chức, huyện Phú Lộc: 33 công chức, huyện Nam Đông: 15 công chức, huyện A Lưới 35 công chức). Công chức Tư pháp - Hộ tịch hầu hết có trình độ đại học trở lên, đã được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về hộ tịch. UBND cấp xã loại 1, loại 2 cơ bản đã được bố trí đủ 02 công chức tư pháp - Hộ tịch đảm bảo tham mưu thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác tư pháp tại địa phương.

Thứ hai, về công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, điều động công chức Tư pháp - Hộ tịch: UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của các đơn vị được thực hiện đúng theo quy định. Công tác quy hoạch đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch, đảm bảo nguồn cán bộ kế cận có đủ tiêu chuẩn, trình độ khi thực hiện điều động công chức Tư pháp - Hộ tịch đảm nhận công việc khác phù hợp với quy định của pháp luật, phát huy tối đa năng lực, sở trường của mỗi người, phục vụ tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Quan tâm quy hoạch, đề bạt, luân chuyển công chức Tư pháp- hộ tịch cấp xã có khả năng phát triển vào các vị trí chủ chốt của bộ máy chính quyền cấp xã, tạo động lực cho đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch phấn đấu để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã: Công chức Tư pháp - Hộ tịch đã được quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ về công tác tư pháp hộ tịch, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, về công tác kiểm tra, thanh tra, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch các xã, phường: UBND cấp huyện đã có kế hoạch thực hiện kiểm tra tại các UBND cấp xã về công tác chuyên môn; thành lập các Đoàn kiểm tra công tác Cải cách hành chính, Kiểm soát Thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Qua công tác kiểm tra để chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, bất cập và nâng cao ý thức trách nhiệm, chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Thứ năm, về ứng dụng công nghệ thông tin; đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật và phương tiện làm việc thực thi nhiệm vụ công tác tư pháp tại địa phương: Công chức tư pháp - Hộ tịch đã được trang bị máy móc, cơ sở vật chất kỹ thuật đầy đủ như bố trí máy vi tính, máy in, máy scan, máy photocopy để phục vụ tốt cho công việc. Hệ thống phần mềm của Bộ Tư pháp với phần mềm của tỉnh đã được kết nối, tích hợp, liên thông đảm bảo thông suốt, thuận lợi trong quá trình giải quyết công việc.

Thứ sáu: Về hỗ trợ vật chất và tinh thần cho đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao: UBND cấp huyện đã có đánh giá và đề xuất khen thưởng cho các công chức Tư pháp; thực hiện các chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã như: chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài; chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng...

Khó khăn, vướng mắc

- Trang thiết bị, cơ sở vật chất như máy photocopy, máy scan, máy tính, máy in... tại một số đơn vị đã bị hỏng, xuống cấp; hệ thống đường truyền mạng không ổn định, tốc độ đường truyền internet còn chậm, thường xuyên mất kết nối, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết công việc.

- Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch và hệ thống dịch vụ công của tỉnh hiện nay vẫn chưa ổn định, thường xuyên bị lỗi; việc cập nhật dữ liệu đăng ký Hộ tịch vẫn còn tình trạng bị lỗi mạng làm mất thời gian, ảnh hưởng đến kết quả cập nhật, đăng ký hộ tịch, tiếp nhận và trả kết quả cho công dân.

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch ngoài việc tham mưu thực hiện đăng ký hộ tịch thì còn phải đảm nhiệm nhiều công việc khác, do đó, việc tham mưu giải quyết công việc đảm bảo hiệu quả gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, đối với các xã, phường, thị trấn loại 1, loại 2 chưa được bố trí đủ 02 công chức tư pháp - Hộ tịch và cấp xã thuộc địa bàn đông dân cư, phát sinh nhiều sự kiện hộ tịch.

- Chế độ hỗ trợ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch chưa được quan tâm đúng mức, nhất là những công chức thuộc diện điều động từ địa phương này sang địa phương khác. Do việc điều động, luân chuyển nên công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cũng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến sự phát triển của công chức.

Kiến nghị, đề xuất

Đối với UBND cấp huyện:

- Cần tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, trung thành, gương mẫu, chuyên nghiệp, tận tụy phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác tư pháp tại địa phương.

- Ổn định cơ bản đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo hướng hài hòa giữa thực hiện quy định pháp luật phòng chống tham nhũng và yêu cầu công tác tư pháp được giao ngày càng nhiều, đặc biệt là lĩnh vực chuyên sâu am hiểu tình hình địa bàn dân cư, nhất là các xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển.

- Nghiên cứu phương thức thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác tại khoản 1 Điều 37 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục quan tâm nâng cao trình độ các mặt như: chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn các mặt theo yêu cầu vị trí việc làm, chức danh theo quy định.

- Cử công chức tư pháp hộ tịch dự học lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch theo Điều 72 Luật Hộ tịch.

Đối với các cấp ủy, UBND cấp xã: Cần quan tâm quy hoạch, đề bạt, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã có khả năng phát triển vào các vị trí chủ chốt của bộ máy chính quyền cấp xã và có sự hỗ trợ thêm về vật chất và tinh thần cho công chức.

T.A.H

CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG NỘI DUNG CẦN LƯU Ý

■ NGUYỄN VĂN HÓA

Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính - sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi là Luật Xử lý vi phạm hành chính) thì cường chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong các trường hợp (i) cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 và (ii) cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện cơ quan, người có thẩm quyền vẫn còn có một số sai sót, hạn chế như: ban hành quyết định cường chế không đúng theo mẫu quy định; cấp phó ban hành quyết định cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi chưa được cấp trưởng giao quyền; áp dụng các biện pháp cường chế không đúng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính; việc gửi quyết định cường chế để tổ chức thi hành không đảm bảo theo quy định của pháp luật;... và còn lúng túng trong việc tổ chức thi hành cường chế, nhất là cường chế đối với cá nhân, tổ chức vừa bị áp dụng xử phạt vi phạm hành chính vừa bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, từ thực tiễn thi hành, trong bài viết này tác giả xin trao đổi một số nội dung



Hội nghị tập huấn công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại huyện Phú Vang do Sở Tư pháp phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện tổ chức

có liên quan đến cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

VỀ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN CƯỜNG CHẾ

Những người có thẩm quyền ra quyết định cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Qua nghiên cứu thẩm quyền cường chế thi hành quyết định xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì có thể thấy giữa hai thẩm quyền này có mối liên hệ mật thiết với nhau. Trong mối liên hệ này, thẩm quyền xử phạt phát sinh trước, còn thẩm quyền cường chế phát sinh sau. Do vậy, những chức danh có thẩm quyền cường chế hầu hết là những chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, không phải mọi chức danh có thẩm quyền xử phạt đều có thẩm quyền cường chế thi hành quyết định xử phạt. Các điều từ Điều 38 đến Điều 51 Luật

Xử lý vi phạm hành chính quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho hơn 180 chức danh. Trong khi đó Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính chỉ quy định cho hơn 100 chức danh có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Sự khác biệt này được lý giải bởi mục đích sử dụng thẩm quyền trong từng trường hợp cụ thể. Đối với việc xử phạt vi phạm hành chính, nhu cầu quản lý nhà nước đòi hỏi việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng để bảo đảm vi phạm hành chính được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời nhằm giữ gìn trật tự quản lý của Nhà nước. Vì vậy, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã trao thẩm quyền xử phạt cho rất nhiều các chức danh khác nhau, đặc biệt là chức danh trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước (chiến sĩ công an đang thi hành nhiệm vụ, kiểm soát viên thị trường, công chức hải quan đang thi hành công vụ, chiến sĩ bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên...). Trong khi đó, việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, do đó đòi hỏi người ra quyết định phải giữ vị trí nhất định (các chức danh giữ chức vụ cấp trưởng) để bảo đảm mỗi quyết định cưỡng chế khi ban hành có tính pháp lý cao, hạn chế khiếu nại, khởi kiện. Một lý do khác mà các chức danh có thẩm quyền cưỡng chế là những chức danh được “chọn lọc” cao vì tính trách nhiệm của mỗi quyết định cưỡng chế buộc người có thẩm quyền cưỡng chế phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định, đặc biệt đó là những trường hợp ra quyết định cưỡng chế nhằm thi hành quyết định xử phạt của những chức danh khác chứ không phải để thi hành quyết định xử phạt của mình.

Việc giao quyền cưỡng chế cho cấp phó

Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và

trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định 03 trường hợp cấp trưởng có thể giao quyền cho cấp phó thực hiện một số thẩm quyền của mình: giao quyền xử phạt (Điều 54), giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt (Điều 87) và giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Điều 123). Tuy nhiên, về điều kiện giao quyền thì có sự khác nhau trong 03 trường hợp này. Nếu việc giao quyền xử phạt có thể được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc thì việc giao quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt. Điều này cũng cho thấy sự “thận trọng” của nhà làm luật khi quy định về giao quyền cưỡng chế so với giao quyền xử phạt vì hoạt động cưỡng chế đòi hỏi những yêu cầu khắt khe hơn nhiều so với hoạt động xử phạt.

Về các biện pháp cưỡng chế

Theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì các biện pháp cưỡng chế bao gồm:

(i) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm (ii) Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá (iii) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản (iv) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế

Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; quá thời hạn này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương

tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.

Một số nội dung cần lưu ý

Một là, phải xác định đúng người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế theo quy định. Trường hợp người có thẩm quyền cưỡng chế giao quyền cho cấp phó thì việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền (theo Mẫu số MQĐ35 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính).

Và căn cứ vào từng biện pháp cưỡng chế (khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập; khấu trừ tiền tài khoản; buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, ...) để áp dụng đúng mẫu quyết định cưỡng chế ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP phù hợp với từng vụ việc cụ thể.

Hai là, việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.

Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương.

Ba là, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan. Việc gửi quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan được thực hiện như sau:

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày,

kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

Bốn là, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Chỉ áp dụng các biện pháp tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế.

Năm là, trường hợp cá nhân, tổ chức vừa không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, vừa không chấp hành một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả, thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3 hoặc 4 Chương II và Mục 5 Chương II Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ đối với cá nhân, tổ chức đó, trừ trường hợp quy định tại Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp cá nhân, tổ chức chỉ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả hoặc chỉ chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả mà không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định tại Mục 1, 2, 3 và 4 Chương II hoặc Mục 5 Chương II Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ đối với cá nhân, tổ chức đó.

Sáu là, người ra quyết định cưỡng chế tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

Quyết định cưỡng chế phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế./.

N.V.H

MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN (SỬA ĐỔI) VÀ DỰ THẢO LUẬT NHÀ Ở (SỬA ĐỔI)

■ MANH HÙNG

Thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”; trên cơ sở chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2023, 2024, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế trân trọng giới thiệu một số nội dung sửa đổi, bổ sung trong các Dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) và Dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi), như sau:

Dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi)

Mở rộng đối tượng áp dụng: Dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) mở rộng đối tượng áp dụng so với Luật Căn cước công dân năm 2014, ngoài áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Luật này còn áp dụng với người gốc Việt Nam là người không quốc tịch đang sống tại Việt Nam.

Lược bỏ vân tay, sửa đổi thông tin số thẻ căn cước công dân: Về nội dung thể hiện trên thẻ căn cước công dân, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng lược bỏ vân tay; sửa đổi thông tin số thẻ căn cước công dân, quê quán, nơi thường trú, chữ ký của người cấp thẻ tại Luật Căn cước công dân hiện hành thành số định danh cá nhân, nơi đăng ký khai sinh, nơi cư trú và dòng chữ “Nơi cấp: Bộ Công an” để phù hợp với các nội dung khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật.

Bổ sung quy định về cấp thẻ căn cước công dân cho công dân Việt Nam dưới 14 tuổi: Dự thảo Luật bổ sung quy định về quản lý, cấp thẻ căn cước công dân cho công dân Việt Nam dưới 14 tuổi và cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam. Tuy nhiên, việc cấp thẻ cho công dân

dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với công dân từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc như quy định của Luật Căn cước công dân hiện hành.

Cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân trong thời hạn 07 ngày làm việc: Về thời hạn cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, dự thảo Luật đã sửa đổi theo hướng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Luật này, cơ quan quản lý căn cước phải cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Bổ sung quy định về căn cước công dân điện tử: Đây là nội dung được bổ sung so với quy định của Luật Căn cước công dân hiện hành để quy định về căn cước điện tử; trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử; sử dụng căn cước công dân điện tử để giải quyết để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và giao dịch dân sự trên môi trường điện tử.

Đề xuất Chứng minh nhân dân sử dụng đến hết ngày 31/12/2024: Dự thảo Luật quy định chuyên tiếp theo hướng Chứng minh nhân dân còn thời hạn sử dụng đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được sử dụng đến hết ngày 31/12/2024; các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ Chứng minh nhân dân vẫn nguyên hiệu lực pháp luật.

Dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi)

Sở hữu nhà ở: Sửa đổi, bổ sung thêm một số nội dung như điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở; công nhận quyền sở hữu nhà ở; quyền của chủ sở hữu nhà ở và người sử dụng nhà ở; nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở

(xem tiếp trang 24)

DI SẢN LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT DÙNG VÀO VIỆC THỜ CÚNG - KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

■ NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Trưởng Văn phòng Công chứng An Phú Gia

Sau khi giành được độc lập, Nhà nước ta đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thừa kế, nhưng phải đến Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 mới có quy định tương đối đầy đủ về thừa kế. Đặc biệt, Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 đã có quy định về di sản là “quyền về tài sản”. Tuy nhiên, “quyền về tài sản” này có bao gồm quyền sử dụng đất hay không lại chưa được xác định.

Hiến Pháp năm 1992 lần đầu tiên ghi nhận công dân được quyền chuyển quyền sử dụng đất do Nhà nước giao. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Luật đất đai năm 1993 quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất*” (khoản 2 Điều 3). Như vậy, kể từ thời điểm Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành, di sản thừa kế mới bao gồm cả quyền sử dụng đất. Tiếp đó, Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 1995 khẳng định: “*Quyền sử dụng đất cũng thuộc di sản thừa kế và được để lại thừa kế theo quy định*” (Khoản 2 Điều 637). Cùng với đó, Luật cũng quy định cá nhân được để lại một phần tài sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất dùng vào việc thờ cúng.

1. Quy định về “di sản dùng vào việc thờ cúng” qua các thời kỳ

Theo Điều 21 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990: *Nếu người lập di chúc có để di sản dùng vào việc thờ cúng thì di sản đó được coi như di sản chưa chia. Khi việc thờ cúng không được thực hiện theo di chúc thì những người thừa kế của người để lại di sản dùng vào việc thờ cúng có quyền hưởng di sản đó. Nếu những người thừa kế đó đều đã chết, thì di sản thuộc về người*

đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thừa kế theo pháp luật quy định.

Các Điều 673 BLDS năm 1995, 670 BLDS 2005 và 645 BLDS 2015 đều quy định: *Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người được chỉ định trong di chúc hoặc người do các đồng thừa kế thỏa thuận quản lý để thực hiện việc thờ cúng; ... Trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật.*

Từ những dẫn chiếu trên có thể thấy đã có sự thay đổi cơ bản trong quy định của luật về “di sản dùng vào việc thờ cúng” qua các thời kỳ. Theo Pháp lệnh Thừa kế thì di sản dùng vào việc thờ cúng là di sản chưa chia; Khi việc thờ cúng không được thực hiện theo di chúc thì những người thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản có quyền chia di sản đó. Trong khi đó, các BLDS quy định di sản dùng vào việc thờ cúng không được chia thừa kế. Sau khi những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật. Những người thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản không có quyền chia di sản dùng vào việc thờ cúng.

2. Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các quy định của pháp luật về “di sản dùng vào việc thờ cúng”

Mặc dù, pháp luật có quy định “*Quyền sử dụng đất cũng thuộc di sản thừa kế*” và cá

nhân có quyền để lại “*di sản dùng vào việc thờ cúng*”. Tuy nhiên, từ quy định của pháp luật đến thực tiễn áp dụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

Thứ nhất, khoản 3 Điều 626 BLDS năm 2015 quy định người lập di chúc được quyền “*dành một phần tài sản trong khối di sản để thờ cúng*”, nhưng pháp luật không quy định thế nào là “*một phần tài sản*”, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể:

(i) Một phần tài sản trong khối di sản được hiểu là một phần trong một khối tài sản cụ thể, độc lập với tài sản khác, ví dụ: Ông A có quyền sử dụng một thửa đất có diện tích là 100,0 m², ông A không thể lập di chúc để lại toàn bộ diện tích 100,0 m² dùng vào việc thờ cúng, vì luật quy định chỉ được dùng một phần thửa đất nêu trên dùng vào việc thờ cúng. Mặc dù ông A đang có quyền sử dụng nhiều thửa đất khác nữa.

(ii) Một phần tài sản trong khối di sản được hiểu rộng hơn là một phần trong toàn bộ khối di sản, nên cá nhân có thể để lại toàn bộ thửa đất dùng vào việc thờ cúng, vì ngoài quyền sử dụng thửa đất dùng vào việc thờ cúng họ còn có nhiều tài sản khác.

Mặt khác, “*một phần tài sản*” là bao nhiêu trong khối di sản cũng chưa được quy định rõ. Trường hợp thửa đất có diện tích chỉ bằng diện tích tối thiểu được phép tách thửa, thì việc để lại một phần diện tích dùng vào việc thờ cúng không hợp lý. Ngược lại, nếu quyền sử dụng đất dùng vào việc thờ cúng có diện tích lớn lên đến hàng nghìn mét vuông và trong bối cảnh tình hình dân số ngày càng đông, “*đất đai*” không thể sản sinh và mở rộng ra thêm thì việc xác định “*một phần di sản*” như thế nào để tránh gây ra sự lãng phí nguồn tài nguyên đất cũng là một vấn đề cần quan tâm.

Thứ hai, Điều 645 BLDS năm 2015 quy định di sản dùng vào việc thờ cúng “*không được chia thừa kế*”, nhưng nếu tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng “*thuộc*” về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật. Căn cứ quy định này, thì sau khi tất cả những người

thừa kế theo di chúc đều đã chết người quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật được quyền khai nhận phần di sản dùng để thờ cúng. Như vậy, phần di sản dùng vào việc thờ cúng không còn là di sản thờ cúng nữa mà là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng riêng của người quản lý di sản. Ý chí của người lập di chúc - muốn mình được thờ cúng sau khi chết, không thực hiện được hoặc chỉ được thực hiện một thời gian sau khi chết.

Thứ ba, Điều 645 BLDS năm 2015 không quy định trường hợp người lập di chúc chỉ định người ngoài hàng thừa kế theo pháp luật quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng. Khi tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng vào việc thờ cúng sẽ không thể thuộc về người quản lý di sản.

Thứ tư, Điều 644 BLDS năm 2015 quy định về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc. Điều luật này được áp dụng trong trường hợp những người này bị truất quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc chỉ được người lập di chúc cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó. Vậy, trong trường hợp người lập di chúc để phần lớn tài sản dùng vào việc thờ cúng thì những người này có quyền yêu cầu chia di sản dùng vào việc thờ cúng để nhận kỹ phần của mình hay không, pháp luật cũng chưa có quy định.

Thứ năm, Luật Đất đai hiện hành chỉ quy định về đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (điểm g khoản 2 Điều 10) và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) cho cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ (khoản 5 Điều 100). Luật không có quy định về việc cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động đối với các trường hợp đất được giao hoặc công nhận quyền sử dụng cho cá nhân, sau đó họ lập di chúc dùng vào việc thờ cúng.

3. Kiến nghị, đề xuất

- Cần xác định rõ khái niệm “*một phần tài sản trong khối di sản*” dùng vào việc thờ cúng. Đối với trường hợp tài sản là quyền sử dụng

đất dùng vào việc thờ cúng cần quy định cụ thể, ví dụ: dành một phần tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích tối thiểu bằng diện tích tối thiểu được phép tách thửa và tối đa bằng hạn mức giao đất/công nhận quyền sử dụng đất để dùng vào việc thờ cúng.

- Di sản dùng vào việc thờ cúng có thể khiến cho người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc quy định tại Điều 644 BLDS năm 2015 không được hưởng di sản thừa kế, hoặc chỉ được hưởng ít hơn hai phần ba một suất thừa kế theo pháp luật. Do vậy, cần quy định di sản dùng vào việc thờ cúng phải được trích ra cho những người này nhằm đảm bảo không vi phạm quyền của người được hưởng di sản thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

- Đề nghị bỏ quy định “*Trường hợp tất cả*

những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật” trong BLDS năm 2015. Bên cạnh đó, pháp luật về đất đai cần có thêm quy định trường hợp “*quyền sử dụng đất được lập di chúc dùng vào việc thờ cúng*” và việc cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp này. Mục đích sử dụng đất là đất dùng vào việc thờ cúng phải được thể hiện trong Giấy chứng nhận được cấp. Người quản lý di sản có thể đứng tên trong Giấy chứng nhận nhưng không được quyền thực hiện các giao dịch hoặc khai nhận thừa kế đối với đất đó nhằm đảm bảo di nguyện của người để lại di sản - toàn bộ phần di sản này sẽ mãi mãi được xác định là di sản dùng vào việc thờ cúng./

N.T.T.H

MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG... (tiếp theo trang 21)

và người sử dụng nhà ở; các loại nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở là tổ chức, cá nhân nước ngoài. Đồng thời, bổ sung một số Điều theo hướng đưa các nội dung từ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP lên Luật như: Quyền của đại diện chủ sở hữu nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; quy định khu vực tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; các trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở. Bổ sung mới quy định về sở hữu nhà chung cư, bao gồm quy định xác lập và chấm dứt quyền sở hữu nhà chung cư khi nhà chung cư thuộc các trường hợp phải phá dỡ, xử lý nhà chung cư khi chấm dứt quyền sở hữu; quy định quyền và trách nhiệm chủ sở hữu sau khi nhà chung cư bị phá dỡ.

Quản lý, sử dụng nhà ở: Bổ sung một số quy định của Luật hiện hành (trong đó có đưa quy định từ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP lên Luật) như: lưu trữ và quản lý hồ sơ nhà ở; quản lý, sử dụng nhà ở riêng lẻ trong dự án nhà ở;

quản lý, sử dụng nhà ở có giá trị nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa, lịch sử; quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (SHNN); các trường hợp thu hồi, cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc SHNN; các trường hợp nhà ở phải phá dỡ; yêu cầu khi phá dỡ nhà ở. Bên cạnh đó, bổ sung mới một số quy định như: chuyển đổi công năng nhà ở; lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

Giao dịch về nhà ở: Đưa một số quy định ra khỏi dự thảo luật để tránh trùng lặp với Bộ Luật Dân sự như: quy định về cho thuê nhà ở thuộc sở hữu chung, thừa kế nhà ở, thế chấp nhà ở thuộc sở hữu chung, các trường hợp chấm dứt hợp đồng ủy quyền quản lý nhà ở. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật hiện hành (trong đó có đưa quy định từ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP lên Luật) như: hợp đồng về nhà ở; giao dịch mua bán nhà ở; xử lý đối với trường hợp mua bán nhà ở có thời hạn; bên thế chấp và bên nhận thế chấp nhà ở; thế chấp dự án nhà ở và nhà ở hình thành trong tương lai; điều kiện thế chấp dự án nhà ở.

M.H

MỘT SỐ LƯU Ý KHI THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN VÀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

■ NGUYỄN THỊ THÚY PHƯƠNG

Trưởng phòng Phòng Kiểm tra và Xây dựng VBQPPL

Đối với dự thảo Nghị quyết quy định nội dung tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (*quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*) trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, cơ quan tham mưu phải lập đề nghị xây dựng nghị quyết. Việc lập đề nghị xây dựng nghị quyết phải thực hiện theo đúng quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015. Hồ sơ trình đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020), gồm nhiều thành phần trong đó có Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết.

Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình theo khoản 3 Điều 115 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015. Cụ thể, thẩm định đề nghị được xem xét, đánh giá các nội dung cụ thể như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Thẩm định về sự cần thiết ban hành văn bản QPPL là xem xét, đánh giá toàn diện về cơ sở thực tiễn và cơ sở chính trị pháp lý để đề nghị ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Khi thực tiễn phát sinh vấn đề, cơ quan hoạch định chính sách sẽ tiến hành đề xuất các chính sách để giải quyết vấn đề đó. Các chính sách này hướng đến giải quyết vấn đề phát sinh trên thực tiễn nhưng phải đảm bảo căn cứ vào cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý. Đánh giá về sự cần thiết ban hành văn bản QPPL được trình bày tại

phần đầu tiên trong Tờ trình đề nghị. Điều kiện cần để chứng minh sự cần thiết phải có chính sách (thông qua việc ban hành văn bản QPPL) là để điều chỉnh các quan hệ xã hội mà cơ quan ban hành thấy cần thiết hoặc phải điều chỉnh, đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân. Điều kiện đủ để chính sách được thông qua là chính sách đó phải phù hợp với đường lối chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, Hiến pháp, pháp luật của nhà nước. Sự cần thiết ban hành các văn bản QPPL sẽ khác nhau, tùy thuộc vào nhiều yếu tố mà văn bản QPPL điều chỉnh, tính chất của văn bản QPPL là xây dựng mới hay sửa đổi, bổ sung. Đánh giá sự cần thiết ban hành văn bản QPPL mới cần phải tổng kết, đánh giá thực trạng của các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến quan hệ xã hội cần điều chỉnh để làm rõ sự bất cập của các quy định pháp luật hiện hành trong việc điều chỉnh quan hệ xã hội mới phát sinh cho thấy sự cần thiết phải ban hành văn bản QPPL mới điều chỉnh các quan hệ xã hội đó. Sự cần thiết ban hành văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung phải làm rõ vấn đề mới phát sinh trên thực tiễn nhưng quy định của pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh hoặc không còn phù hợp và xác định rõ những tồn tại, bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành cần khắc phục để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

2. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản QPPL

Việc xem xét, đánh giá về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của VBQPPL cần phải xem xét, đánh giá các tiêu chí sau đây: Đối tượng và

phạm vi điều chỉnh được xác định chính xác và đầy đủ; sự phù hợp giữa đối tượng với phạm vi điều chỉnh; Phạm vi điều chỉnh không trùng lặp hoặc chồng chéo với phạm vi điều chỉnh của VBQPPL khác trong hệ thống pháp luật; sự phù hợp giữa đối tượng, phạm vi điều chỉnh với nội dung chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL.

3. Về sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Đề đưa chủ trương, đường lối của Đảng đi vào cuộc sống cần xây dựng văn bản QPPL để thể chế hóa đường lối, chủ trương và bảo đảm thực hiện. Pháp luật là công cụ đưa đường lối, chủ trương của Đảng đi vào cuộc sống, khi thẩm định về sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước cần xem xét, nêu rõ ý kiến đánh giá về những vấn đề, nội dung cụ thể của văn kiện thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng, văn bản thể hiện chính sách làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách; việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước của nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản QPPL.

Trong trường hợp phát hiện chính sách trong đề nghị chưa phù hợp với nội dung văn kiện thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng, văn bản thể hiện chính sách của Nhà nước, nhưng phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân thì nội dung thẩm định cần nêu rõ vấn đề này và đề xuất xin ý kiến chỉ đạo của Đảng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị.

Thẩm định đề nghị xây dựng theo các tiêu chí này sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo đảm cho hệ thống pháp luật được hoàn chỉnh, thống nhất toàn diện, đồng bộ, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thể hiện ý chí, nguyện vọng của đông đảo quần

chúng nhân dân, phù hợp với thực tiễn khách quan và có tính khả thi.

- *Về tính hợp hiến:* Khi thẩm định tính hợp hiến cần nêu rõ ý kiến đánh giá sự phù hợp của chính sách trong đề nghị với nội dung, tinh thần của Hiến pháp theo một hoặc một số các nội dung như về chế độ chính trị; về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; về chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường...; sự phù hợp của chính sách trong đề nghị với quy định của Hiến pháp về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước.

- *Về tính hợp pháp:* Phải xem xét, đánh giá sự phù hợp của nội dung chính sách trong đề nghị với thẩm quyền của chủ thể ban hành văn bản QPPL; sự phù hợp của nội dung chính sách với quy định của văn bản QPPL hiện hành có giá trị pháp lý cao hơn.

Trong trường hợp phát hiện chính sách trong đề nghị không phù hợp với quy định của



Nguồn: Ảnh sưu tầm

văn bản có giá trị cao hơn, nhưng phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân thì nội dung thẩm định cần nêu rõ vấn đề và đề xuất việc xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- *Về tính thống nhất, đồng bộ của chính sách trong đề nghị:* Phải xem xét, đánh giá sự thống nhất giữa chính sách trong đề nghị với các quy định của văn bản QPPL hiện hành do các cơ quan cùng cấp có thẩm quyền ban hành về cùng một vấn đề, đảm bảo không chồng chéo, mâu thuẫn. Trong trường hợp phát hiện quy định của chính sách trong đề nghị không thống nhất, đồng bộ với quy định tại các văn bản hiện hành khác, báo cáo thẩm định phải phân tích rõ và đề xuất phương án xử lý.

- *Về tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị:* Phải xem xét sự phù hợp giữa nội dung chính sách dự kiến trong đề nghị với điều kiện kinh tế - xã hội, theo đó dự báo sự phù hợp, sự tác động giữa chính sách dự kiến trong đề nghị với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; sự toàn diện của các biện pháp, sự tương xứng, hợp lý của các biện pháp thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị so với yêu cầu giải quyết vấn đề; có cơ chế bảo đảm thực thi chính sách theo hướng xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục thực hiện; dự báo sự phù hợp, sự tác động giữa chính sách dự kiến trong đề nghị; bảo đảm sự phù hợp giữa chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng văn bản với chủ trương cải cách hành chính...

5. Về tính tương thích của nội dung chính sách trong đề nghị với Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Phải xem xét mức độ luật hóa các quy định của điều ước quốc tế có liên quan vào trong đề nghị; những cản trở khó khăn mà quy định của nội dung chính sách trong đề nghị có thể gây ra đối với quy định của điều ước quốc tế; sự phù hợp giữa nội dung của chính sách dự kiến trong đề nghị với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã có kế hoạch tham gia.

6. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị nếu chính sách liên quan đến thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị nếu chính sách liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.

Khi thẩm định về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC) phải nêu rõ sự cần thiết có TTHC để thực hiện chính sách; tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC được đánh giá trên cơ sở gắn liền với thẩm quyền ban hành chính sách; khả năng chi phí tuân thủ TTHC để thực hiện chính sách.

Khi thẩm định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới cần xem xét, đánh giá các chính sách được đề xuất có khả năng gây bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới hay không... Trong trường hợp nội dung có chính sách có liên quan đến bình đẳng giới nhưng chưa được cơ quan đề xuất xử lý thì trong báo cáo phải nêu rõ và yêu cầu xử lý.

7. Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị

Đây là điều kiện bắt buộc để bảo đảm tính hợp pháp của chính sách trong đề nghị. Việc thẩm định về việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập đề nghị cần được đánh giá trên cơ sở hồ sơ gửi thẩm định đã có đầy đủ các tài liệu theo quy định của pháp luật chưa? các thủ tục bắt buộc khi lập đề nghị xây dựng văn bản đã được thực hiện đủ theo quy định chưa? Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị đã đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật chưa?...

Trong nội dung thẩm định về trình tự, thủ tục lập đề nghị, trên cơ sở nghiên cứu Tờ trình và các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị, báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ cơ quan lập đề nghị có tuân thủ đúng quy trình theo quy định của pháp luật chưa.

Như vậy sau khi đánh giá đầy đủ các nội dung thẩm định trên, cơ quan thẩm định tiến hành xây dựng báo cáo thẩm định. Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của cơ quan thẩm định về việc đề nghị có đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua.

N.T.T.P

Dừng cảm lên tiếng để góp phần đẩy lùi bạo lực gia đình

■ TRẦN LY

Có câu nói rằng: “Gia đình là nơi để yêu thương”. Từ lâu, gia đình vốn được xem là tổ ấm của mỗi người, nơi mà mỗi chúng ta luôn cảm thấy được bao bọc, chở che mỗi khi được trở về. Thế nhưng, không phải gia đình cũng là tổ ấm, là nơi để trở về. Trong xã hội trước đây và hiện nay, vẫn luôn tồn tại những gia đình, mà ở đó “nấm đắng” được xem là “ngôn ngữ”, là “phương pháp” để duy trì gia đình. Nhắc đến bạo lực gia đình, có thể nói đây là một vấn nạn mang tính quốc gia, nó để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, nhất là đối với phụ nữ và trẻ em, làm hạn chế sự tham gia của họ vào cộng đồng, không chỉ gây hậu quả về thể chất, tâm lý cho bản thân phụ nữ, trẻ em, mà còn vi phạm nghiêm trọng đến các quyền của con người.

Câu chuyện của chị Ngân là một ví dụ điển hình trong rất nhiều những vụ việc bạo lực gia đình đã xảy ra. Mặc dù hiện nay, chị và chồng đã ly hôn được 4 năm, nhưng mỗi khi nhắc nhớ lại quá khứ đau buồn mà mình đã trải qua, chị Ngân lại không khỏi chạnh lòng, nước mắt lại trào ra.

Nhờ được gia đình hai bên giới thiệu, chị Ngân và anh Hùng quen biết và tiến đến hôn nhân. Tuy là kết hôn qua mai mối, nhưng chị Ngân rất cảm mến anh Hùng vì tính cách hiền lành, siêng năng lao động và biết vun vén cho gia đình. Kết hôn được 2 năm, anh chị đón một cậu con trai đầu lòng, những tưởng những ngày tháng hạnh phúc sẽ như vậy trôi qua, thế nhưng chỉ vì một quyết định trong phút chốc mà một gia đình êm ấm nay chỉ còn là hình ảnh trong quá khứ.

Xưởng một nơi anh Hùng làm việc đột ngột đóng cửa, để duy trì cuộc sống, hai vợ chồng quyết định dồn hết vốn liếng để anh Hùng

gia nhập với một số người trong làng đi buôn hàng trái cây. Công việc thay đổi, tiền kiếm được dễ dàng hơn nhưng cũng thường xuyên xa gia đình, vợ con nhiều hơn, anh Hùng bắt đầu làm quen với những người bạn hàng con buôn khác, sa đà vào rượu chè trong những ngày rảnh rỗi. Cứ như vậy, anh trở thành là một kẻ nghiện rượu lúc nào không hay. Việc nghiện rượu đã khiến anh từ một người hiền lành, luôn dịu dàng với vợ con, trở thành một kẻ cộc cằn, vũ phu. Trong một lần vì uống say làm trễ chuyến hàng, gây tổn thất mấy chục triệu, anh đã bị những bạn hàng khác đuổi ra khỏi nhóm. Trong cơn tức giận, anh lại lao vào uống rượu, uống say anh trở về nhà trút mọi sự phẫn nộ lên chị Ngân. Ngày hôm đó đã trở thành khởi đầu cho chuỗi ngày địa ngục về sau của chị. Từ đó, hiếm có ngày nào chị được sống bình yên trọn vẹn, anh Hùng cứ uống rượu say sẽ trở về đánh đập chị, thậm chí có lần chị bị đánh nặng đến nỗi phải vào trạm y tế xã để khâu vết thương. Nhiều hôm để tránh cơn thịnh nộ của anh và bảo vệ con trai, chị phải chạy trốn về gia đình mẹ đẻ. Đau đầu khổ như vậy, nhưng chị vẫn cứ âm thầm chịu đựng, không dám phản kháng và cũng không kể cho bất cứ ai. Chị cố gắng nhẫn nhịn là bởi vì lúc anh tỉnh rượu, chị trò chuyện, khuyên bảo thì anh nhận lỗi và hứa hẹn sẽ thay đổi. Nhưng khi uống rượu say thì mọi việc đâu lại vào đấy. Do gia đình sinh sống ở nông thôn, e ngại xóm làng chê cười, đàm tiếu nên chị không dám tâm sự, thổ lộ với ai, cũng không dám tố cáo lên chính quyền địa phương. Thời gian kéo dài, chuỗi ngày say rượu - đánh đập - tỉnh rượu - xin lỗi cứ lặp đi lặp lại, đến lúc không chịu được người chồng vũ phu, chị quyết định nộp đơn xin ly hôn.

Kể từ ngày nhận được quyết định ly hôn đến nay đã hơn 4 năm, vết thương của những trận đòn roi tuy rằng đã liền sẹo nhưng nỗi đau trong tâm trí thì vẫn còn đó. Chị cảm thấy đau lòng và ân hận vì đã không đủ dũng cảm để lên tiếng tố cáo để bảo vệ mình, bảo vệ con; ân hận vì đã không ly hôn người chồng tệ bạc đó sớm hơn, khiến hai mẹ con chị phải sống trong những ngày tháng đau khổ, con trai chị cũng không dám đi học vì sợ bạn bè chê cười...

Vết thương trong quá khứ đã trở thành động lực để chị cố gắng tìm hiểu, học hỏi các kiến thức về pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình. Chị hi vọng từ bài học và kinh nghiệm của bản thân, chị sẽ giúp đỡ những người phụ nữ khác có hoàn cảnh giống như mình, dám đứng lên đấu tranh, bảo vệ bản thân, bảo vệ con cái của mình khỏi cái bóng của bạo lực gia đình, để tìm kiếm tự do, hạnh phúc cho chính mình. Chị từng chia sẻ, khi tiếp xúc với những nạn nhân bạo lực gia đình, điểm chung của họ là tâm lý e ngại, xấu hổ với những người xung quanh, mà đó cũng chính là gốc rễ của vấn đề. Theo chị, nạn nhân bạo lực gia đình phải tự mình phản kháng chứ không thể trông chờ vào những người xung quanh trong khi bản thân lại không phản ứng gì. Chính nhận thức sai lệch và thiếu đúng đắn đó đã khiến vấn nạn bạo lực gia đình kéo dài, chìm vào bóng tối. Do đó, để chấm dứt nạn bạo lực gia đình, người người bị bạo lực gia đình cần trang bị cho bản thân hiểu biết cơ bản về pháp luật để ứng phó với hành vi bạo lực và bảo vệ quyền lợi cho chính bản thân mình.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023. Với việc ban hành văn bản Luật, đã xây dựng một cơ sở pháp lý vững chắc nhằm ngăn chặn có hiệu quả vấn nạn bạo lực gia đình thông qua các chế tài xử lý nghiêm minh những người có hành vi bạo lực gia đình, người vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Cũng tại



Báo cáo viên pháp luật của Sở Tư pháp tuyên truyền, phổ biến một số điểm mới và nội dung cơ bản của luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 cho bà con Nhân dân thị xã Hương Trà

Khoản 1 Điều 7, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 đã quy định “*Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình được tổ chức vào tháng 6 hằng năm để thúc đẩy hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình và tôn vinh giá trị gia đình.*”.

Trong bối cảnh cả nước chung tay đẩy lùi nạn bạo lực gia đình, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phòng, chống bạo lực gia đình trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 với nhiều giải pháp cụ thể, thiết thực để hoàn thành mục tiêu đến năm 2025, phấn đấu đạt trên 70% người có nguy cơ bị bạo lực gia đình được trang bị kiến thức, kỹ năng về ứng phó khi bị bạo lực gia đình; những người bị bạo lực gia đình khi phát hiện được bảo vệ, trợ giúp pháp lý và chăm sóc sức khỏe phấn đấu đạt 95%; những người có hành vi bạo lực gia đình khi phát hiện được tư vấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực phấn đấu đạt trên 80%,... Chị Ngân hi vọng rằng, với sự nỗ lực của toàn xã hội và mỗi cá nhân trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình, gia đình của mỗi một người sẽ luôn là mái ấm, là nơi che chở tốt nhất, và mong rằng mỗi người sẽ biết cách vun đắp và bảo vệ chính ngôi nhà của mình.

T.L

TIN TỨC TỔNG HỢP: HOẠT ĐỘNG NGÀNH TƯ PHÁP QUÝ II/2023

■ DANH NHÂN

HOẠT ĐỘNG TẠI CẤP TỈNH



Ngày 19/4/2023, Cục Bồi thường nhà nước - Bộ Tư pháp phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án. Tham dự và chủ trì Hội nghị có đồng chí Nguyễn Thị Tố Hằng - Phó Cục trưởng Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp và đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua Hội nghị đã góp phần nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ công chức tham mưu công tác bồi thường nhà nước, giúp hoạt động giải quyết bồi thường nhà nước tại địa phương được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đúng pháp luật.



Trong hai ngày 19 - 20/4/2023, Sở Tư pháp phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ thị xã

Hương Trà, Ủy ban nhân dân xã Vinh Hiền tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì. Tại Hội nghị, các báo cáo viên đã giới thiệu 04 chuyên đề liên quan đến Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 54-NQ/TW); quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; một số nội dung của pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình.



Ngày 18/4/2023, Sở Tư pháp đã phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh tổ chức Hội nghị tập huấn chuyển đổi số Ngành Tư pháp và ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh cho toàn thể công chức, viên chức và người lao động của Sở. Tại Hội nghị, Báo cáo viên trình bày các chuyên đề gồm: kỹ năng xây dựng, lưu trữ văn bản công việc vào hồ sơ điện tử trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hướng dẫn cách cài đặt và sử dụng ký số cá nhân, ký số cơ quan khi ban hành văn bản; kỹ năng nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên Hệ thống dịch vụ công của tỉnh. Hội nghị tập huấn cung cấp kiến thức nhằm ứng dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành, phần mềm dùng chung

của tỉnh góp phần xây dựng Ngành Tư pháp tỉnh nhà, Sở Tư pháp điển hình chính quyền số theo tiêu chí “4 không” và “1 có”.



Trong tháng 5 - 6/2023, Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật tại 09 huyện, thị xã, thành phố Huế cho các đại biểu là Báo cáo viên pháp luật cấp huyện; Trưởng phòng, chuyên viên Phòng Tư pháp các huyện; Công chức Tư pháp - Hộ tịch; Tuyên truyền viên pháp luật; hòa giải viên ở cơ sở; người có uy tín trong cộng đồng dân cư thuộc các xã, phường, thị trấn. Tại Hội nghị, Báo cáo viên đã giới thiệu chuyên đề về kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; một số nội dung cần lưu ý trong tổ chức triển khai đánh giá, công nhận tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở. Bên cạnh đó, Báo cáo viên pháp luật thực hiện lồng ghép giới thiệu về Trang Thông tin Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp và hướng dẫn thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến.

HOẠT ĐỘNG TẠI CẤP HUYỆN



Ngày 29/3/2023, Ủy ban nhân dân huyện

Quảng Điền đã tổ chức Hội nghị triển khai một số nội dung chuyển đổi số của Ngành Tư pháp và một số quy định về thừa kế trong Bộ Luật Dân sự năm 2015 cho hơn 100 đại biểu. Tại Hội nghị, báo cáo viên đã hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để giảm tối đa thời gian, chi phí đi lại của người dân, doanh nghiệp; công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy công tác chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, chính quyền phục vụ trên địa bàn huyện.



Trong hai ngày 20 - 21/4/2023, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy đã tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2023. Các chuyên đề trình bày tại Hội nghị gồm: Quy định chung về pháp luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; quy định về chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ Tư pháp; kỹ năng thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật,... Qua đó, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, cũng như triển khai tổ chức thi hành có hiệu quả các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan trên địa bàn thị xã.



Trong tháng 4 - 5/2023, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà tổ chức các Hội nghị phổ biến văn bản Luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 2. Đây là những văn bản Luật có liên quan trực tiếp đến người dân và có ý nghĩa quan trọng trong việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong tình hình mới. Hội nghị nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức pháp luật, tính chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân; góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội trên địa bàn.

Trong tháng 4/2023, Ủy ban nhân dân huyện A Lưới đã tổ chức các Hội nghị tập huấn điểm về tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân tại xã Hồng Vân, Đông Sơn. Ngoài hai Hội nghị trên, Ủy ban nhân dân xã Hương Nguyên, xã Hồng Thượng cũng tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật có tác động lớn đến mô hình giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, mô hình xây dựng kinh tế gia đình... và một số văn bản quy phạm pháp luật khác; cấp phát tờ gấp pháp luật tại 10 thôn cho gần 500 người dân.



Thông qua các Hội nghị đã tạo sự đồng thuận trong xã hội nhằm giảm thiểu, ngăn ngừa hiệu quả tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.



Trong các ngày 26/5 và 02/6/2023, Phòng Tư pháp huyện Phú Vang đã phối hợp với UBND xã Vinh Thanh, xã Phú Hải tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ cán bộ, công chức xã, tuyên truyền viên và các thành phần như cán bộ chủ chốt ở thôn, hòa giải viên... Đồng thời Hội đồng Phối hợp PBGPL huyện Phú Vang cũng đã thành lập Đoàn kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật tại UBND các xã: Phú Hải, Phú Gia, Vinh An. Các hoạt động nêu trên đã góp phần nâng cao hiệu quả cũng như đảm bảo công tác PBGDPL được triển khai về tận cơ sở và Nhân dân./

D.N